

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình La;

- Bà Nguyễn Thị Giang Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Không Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phùng Quốc H, sinh năm 1981 và chị Phạm Thị Phương Th, sinh năm 1984; đại diện theo ủy quyền cho chị Th là anh Phùng Quốc H; đều cư trú tại: Thôn LL, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

Bị đơn: Chị Cao Thị Phương L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Tân Thịnh, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phùng Quốc H và chị Phạm Thị Phương Th (do anh Phùng Quốc H là đại diện theo ủy quyền) trình bày: Do có mối quan hệ là người cùng thôn quen biết với nhau nên vợ chồng anh H có cho chị L vay tiền 03 lần, tổng số tiền là 110.000.000đ, giữa hai bên có viết giấy nhận nợ với nhau cụ thể các lần vay: Lần 1: Ngày 21/10/2018 vay 30.000.000, thời hạn vay là 15 ngày. Lần 2: Ngày 31/10/2018 vay 30.000.000đ, thời hạn vay là 7 ngày. Lần 3: Ngày 01/11/2018 vay 50.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày. Khi vay giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên chị L lại thể hiện việc nếu không trả đúng như thời hạn vay thì chị sẽ chịu phạt gấp 2 lần đối với số tiền mỗi lần vay.

Trong quá trình vay nợ chị L không trả cho vợ chồng anh H bất kỳ một khoản tiền nào kể từ thời điểm các lần vay. Đến ngày 10/8/2019 do bận công việc nên anh có nhờ anh Phùng Đức D là bạn của anh xuống nhà chị L đòi tiền chị L, chị L đã trả được số tiền 20.000.000đ, giữa hai bên có thể hiện bằng giấy nhận tiền. Anh D sau khi nhận tiền xong, nhưng vẫn chưa đưa lại cho anh. Tuy nhiên anh không có đề nghị gì về việc này và để giữa anh và anh Dương sẽ tự giải quyết với nhau, anh H xác định hiện nay chị L chỉ còn nợ anh số tiền nợ gốc là 90.000.000đ. Nay quan điểm của anh đề nghị chị L phải trả số tiền gốc là 90.000.000đ và tiền lãi tính theo lãi suất 1,6%/tháng. Đối với khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn nợ, đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn chị Cao Thị Phương L trình bày: Chị xác định có vay tiền của anh H 03 lần với tổng số tiền vay là 110.000.000đ như anh H trình bày là đúng, việc vay nợ là do mình chị đứng ra vay và sử dụng, không liên quan đến chồng chị. Trong quá trình vay chị đã thanh toán cho anh H tổng cộng là 50.000.000đ. Tuy nhiên lần trả nợ đầu tiên số tiền 30.000.000đ chị không có giấy tờ gì thể hiện về việc đã trả nợ anh H. Đối với số tiền 20.000.000đ chị có trả cho anh H vào ngày 10/8/2019 là do chị bận công việc nên có đưa cho mẹ đẻ chị là bà Ph1 để nhờ bà Phương đưa cho anh D (anh D nhận tiền thay cho anh H). Đến nay chị xác nhận chị chỉ còn nợ anh H tổng số tiền nợ gốc là 60.000.000đ. Anh H khởi kiện chị ra Tòa án và đề nghị chị trả tổng số tiền nợ gốc là 90.000.000đ và yêu cầu phải trả lãi. Quan điểm của chị là chị không đồng ý với khoản tiền nợ gốc trên của anh H. Chị xác nhận chỉ còn nợ anh H 60.000.000đ và tiền lãi chị đề nghị anh H miễn lãi cho chị. Tại giấy vay tiền ngày 01/11/2018 chị có ghi là để lại 01 bìa hồng mang tên Cao Trung H1 (em trai chị), nhưng thực tế chị không đưa cho anh Phùng Quốc H và anh H cũng không cầm bìa hồng trên, mục đích chị ghi như vậy để làm tin, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về việc này. Do điều kiện công việc, chị L đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa anh H xác định chị L rất nhiều lần cam kết trả nợ cho vợ chồng anh nhưng đều không thực hiện được như đã cam kết, đến nay chị L đã thanh toán trả nợ cho anh số tiền nợ gốc là 20.000.000đ, anh sẽ trừ vào số tiền nợ gốc 30.000.000đ (theo giấy biên nhận nợ ngày 21/10/2018) còn đối với số tiền là 30.000.000đ nợ gốc mà chị L trình bày đã trả anh, anh xác nhận là chị L không thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào khác cho anh ngoài số tiền 20.000.000đ (anh nhờ Dương đòi hộ ngày 10/8/2019), do đó anh yêu cầu chị L phải trả nợ cho anh toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ là 90.000.000đ. Về lãi suất quá trình giải quyết vụ án anh yêu cầu chị L phải trả lãi cho anh 1,6%/tháng, nhưng tại phiên tòa anh H đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả lãi cho anh theo quy định của pháp luật. Đối với khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn nợ cho đến khi thanh toán trả nợ xong số tiền nợ gốc, đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại giấy vay tiền ngày 01/11/2018 chị L có ghi là để lại 01 bìa hồng mang tên Cao Trung H1 (em trai chị) mục đích chị ghi như vậy để làm tin chứ thực tế hai bên không giao nhận gì với nhau, do đó anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Quốc H và chị Nguyễn Thị Phương Th. Buộc chị Cao Thị Phương L có nghĩa vụ trả nợ anh Phùng Quốc H và chị Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền tính đến ngày 27/11/2019 là: 100.971.000đ (Trong đó: Nợ gốc: 90.000.000đ; nợ lãi: 10.971.000đ) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Việc vay nợ giữa anh Phùng Quốc H, chị Nguyễn Thị Phương Th và chị Cao Thị Phương L thực hiện giữa cá nhân với cá nhân, được ký kết bằng giấy biên nhận nợ nên đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch vay tài sản giữa các bên phát sinh phát sinh quyền và nghĩa vụ là năm 2018, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án, xét thấy: Do có mối quan hệ là người cùng thôn quen biết với nhau nên vợ chồng anh Phùng Quốc H và chị Phạm Thị Phương Th có cho chị Cao Thị Phương L vay tổng số tiền là 110.000.000đ, giữa hai bên có viết giấy nhận nợ với nhau cụ thể các lần vay: Lần 1: Ngày 21/10/2018 vay 30.000.000, thời hạn vay là 15 ngày. Lần 2: Ngày 31/10/2018 vay 30.000.000đ, thời hạn vay là 7 ngày. Lần 3: Ngày 01/11/2018 vay 50.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày. Khi vay giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình vay anh H xác nhận ngày 10/8/2019 chị L trả được 20.000.000đ tiền gốc (trừ vào số tiền vay ngày 21/10/2018). Chị L xác nhận thời gian vay và số tiền vay như anh H đã trình bày là đúng, nhưng chị L cho rằng chị đã trả được cho anh H 50.000.000đ tiền gốc (lần đầu trả 30.000.000đ, nhưng không viết giấy tờ gì, lần thứ 2 trả 20.000.000đ đưa cho

anh Dương thì có thể hiện giấy tờ). Nay chị xác nhận còn nợ anh H số tiền nợ gốc là 60.000.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thống nhất về số tiền vay và thời hạn vay. Tuy nhiên anh H xác định, thời điểm hiện tại chị L mới chỉ thanh toán được cho anh 20.000.000đ tiền nợ gốc, còn nợ anh số tiền là 90.00.000đ tiền gốc. Việc chị L cho rằng chị đã trả cho anh H tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, tuy nhiên chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc đã trả nợ số tiền là 30.000.000đ, phía anh H chỉ thừa nhận chị L đã trả anh số tiền 20.000.000đ vào ngày 10/8/2019. Do đó xác định chị L còn nợ vợ chồng anh H tổng số tiền nợ gốc là 90.000.000đ.

Đối với khoản tiền lãi quá trình giải quyết vụ án anh H yêu cầu chị L phải trả lãi 1,6%/tháng đối với toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ, nhưng tại phiên tòa anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng vay nợ giữa anh H và chị L là Hợp đồng vay nợ có kỳ hạn và không thỏa thuận về lãi suất. Do đó căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi suất buộc chị L phải thanh toán trả lãi theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó khoản tiền lãi chị L phải thanh toán như sau:

- Đối với số tiền nợ 30.000.000đ (theo giấy biên nhận nợ ngày 21/10/2018) do đến ngày 10/8/2019 chị L trả được 20.000.000đ (nợ gốc) nên số tiền tính lãi từ ngày 05/11/2018 đến ngày 10/8/2019 là: $30.000.000đ \times 9 \text{ tháng } 06 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng = 2.290.860đ$. Số tiền nợ gốc còn nợ 10.000.000đ sẽ được tính lãi tiếp từ ngày 11/8/2019 đến ngày 27/11/2019 là: $10.000.000đ \times 03 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng = 293.320đ$.

- Đối với số tiền 50.000.000đ (theo giấy biên nhận nợ ngày 01/11/2018) số tiền lãi tính từ ngày 11/11/2018 đến ngày 27/11/2019 là: $50.000.000đ \times 12 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng = 5.221.600đ$.

- Đối với số tiền 30.000.000đ (giấy biên nhận nợ ngày 31/10/2018) tiền lãi tính từ ngày 08/11/2018 đến 27/11/2019 là: $30.000.000đ \times 12 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} \times 0,83\%/tháng = 3.166.200đ$.

Tổng số tiền lãi là: 10.971.980đ (làm tròn là: 10.971.000đ). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 100.971.000đ.

[5] Về lãi suất suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Đối với khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/11/2019 trên số nợ gốc còn nợ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Dân sự, đề nghị này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với giấy vay tiền ngày 01/11/2018, chị L có ghi là để lại 01 bìa hồng mang tên Cao Trung Hiếu (em trai chị), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều xác nhận mục đích chị L ghi như vậy để làm tin chứ thực tế hai bên không giao nhận gì với nhau và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị Phương L phải chịu án phí theo giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thực hiện là: $100.971.000đ \times 5\% = 5.048.000đ$ (đã làm tròn).

Anh Phùng Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại anh H số tiền đã nộp là 2.750.000đ theo biên lai số AA/2017/0002704 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc chị Cao Thị Phương L có nghĩa vụ trả nợ anh Phùng Quốc H và chị Nguyễn Thị Phương Th tổng số tiền tính đến ngày 27/11/2019 là: 100.971.000đ (*Một trăm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn đồng*), (Trong đó: Nợ gốc: 90.000.000đ; nợ lãi: 10.971.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả trên số dư nợ gốc còn nợ tính từ ngày 28/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.048.000đ (*Năm triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Anh Phùng Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000đ theo biên lai số AA/2017/0002704 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Kim Dung